

Ngày soạn: 9/11/2024
Ngày kiểm tra: 14/11/2024

Tiết 40, 41
KIỂM TRA GIỮA KÌ I -VĂN 9

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

- Kiểm tra kiến thức đọc-hiểu một số đoạn trích/văn bản ngoài chương trình học.
- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình HK I, môn Ngữ văn lớp 9 theo phát triển năng lực của HS và theo ba nội dung: Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.
- Đánh giá năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản của HS.
- Có kĩ năng làm bài kiểm tra, kĩ năng trả lời các câu hỏi ở dạng trắc nghiệm, tự luận.
- Viết được một bài văn có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy.

* HS khá giỏi

- Dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn mạch lạc, trôi chảy. Vận dụng từ ngữ linh hoạt trong giao tiếp.
- Có năng lực viết bài văn có chiều sâu, bài văn có cách giải quyết vấn đề sáng tạo.

2. Phẩm chất

- Trung thực: Làm bài nghiêm túc
- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng các năng lực đã học vào hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. Nội dung

Kiểm tra việc đọc - hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thuộc các thể loại tương đương với văn bản đã học trong chương trình và viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay).

III. Chuẩn bị

- GV: Xây dựng ma trận đề kiểm tra, bản đặc tả, đề bài, hướng dẫn chấm.
- HS: Ôn tập kỹ nội dung đã học, giấy kiểm tra, bút, nháp...

IV. Thời lượng kiểm tra: 90 phút

V. Tổ chức giờ học

1. Ổn định tổ chức và giao đề

2. HS làm bài

3. Thu bài và hướng dẫn chuẩn bị bài

- GV thu bài
- Xem lại các nội dung kiểm tra. Đọc phần Giới thiệu bài học, tri thức ngữ văn trong bài 4. Khám phá vẻ đẹp văn chương. Soạn văn bản 1: Người con gái Nam Xương - một bi kịch của con người. Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi trong SGK/T93.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 9

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

			Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc hiểu	VB văn học	2	10%	2	20%	1	10%	0		40
2	Viết	- Nghị luận văn học (đoạn văn khoảng 200 chữ) - NLXH (bài văn)	2*	15%	2*	15%	2*	20%	1*	10 %	60
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		100%
Tỉ lệ chung			60%				40%				

II. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao
1	Đọc hiểu	Văn bản	Nhận biết: - Thể loại của văn bản. - Cách ngắt nhịp; Đề tài Thông hiểu: - Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ. - Nhận xét nhân vật Vận dụng: Bài học được rút ra từ văn bản, thông điệp cuộc sống	2	2	1	
2	Viết	- Viết đoạn phân tích nội	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: - Viết được đoạn văn nghị	2 TL*	2TL*	2TL*	1TL*

		dung tác phẩm văn học. - Viết bài văn nghị luận xã hội	luận văn học (khoảng 200 chữ) phân tích được nội dung của văn bản đã đọc. - Viết được bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục				
Tổng				4	4	3	1
Tỉ lệ %				25%	35%	30%	10%
Tỉ lệ chung				60%		40%	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 9

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

ĐỀ 1

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm): Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

KHÓC DƯƠNG KHUÊ

-Nguyễn Khuyến-

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta,
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau,
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?
Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo,
Có khi tăng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang⁽¹⁾,
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương⁽²⁾ ấm ấp bầu xuân,
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần⁽³⁾ trước
sau,

Trước ba năm gặp bác một lần,
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày,
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời,
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng sao đã mãi lên tiên,
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không
mua,
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa,
Giường kia⁽⁶⁾ treo những hững hờ,

*Buổi dương cửu⁽⁴⁾ cùng nhau hoạn nạn,
Phận đầu thăng⁽⁵⁾ chẳng dám tham trời,
Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,*

*Đàn kia⁽⁷⁾ gãy cũng ngán ngơ tiếng đàn,
Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương,
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan.*

(Theo *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 2012)

Chú thích:

* Dương Khuê (1839 – 1902) người làng Vân Đình, tổng Phương Đình, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Ứng Hòa, thuộc Hà Nội), đỗ tiến sĩ năm 1868, làm quan đến chức Tổng đốc Nam Định, Ninh Bình. Ông là bạn thân của nhà thơ Nguyễn Khuyến.

Khóc Dương Khuê lúc đầu viết bằng chữ Hán (Văn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương Thượng thư), sau đó được chính Nguyễn Khuyến dịch ra chữ Nôm và bản chữ Nôm lại có phần phổ biến hơn bản chữ Hán.

(1) *Cầm xoang* (*cầm*: đàn; *xoang*: điệu hát): ở đây chỉ việc tác giả và bạn đi hát ả đào.

(2) *Quyên tương*: chỉ thứ rượu ngon.

(3) *Đông bích*: chỉ phòng đọc sách. *Diển phần*: tức *tam phần ngũ điển*, chỉ các sách thời thượng cổ Trung Quốc mà nhà nho xuru nghiên cứu.

(4) *Buổi dương cửu*: thời buổi suy đồi, vận hạn; ở đây chỉ thời gian nước ta bị thực dân Pháp xâm lược.

(5) *Phận đầu thăng*: *đầu* và *thăng* là dụng cụ đóng thóc gạo thời xưa. Các quan ngày xưa nhận lương bằng thóc nên nói phận đầu thăng là nói phận người làm quan.

(6) *Giường kia*: Trần Phồn thời hậu Hán có người bạn thân là Từ Trĩ. Phồn dành riêng cho bạn một cái giường khi bạn đến chơi mời ngồi, lúc bạn về lại treo giường lên.

(7) *Đàn kia*: Tương truyền Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn. Bá Nha là người chơi đàn giỏi. Tử Kỳ có tài nghe tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu được điều Bá Nha đang nghĩ. Người ta gọi đó là bạn tri âm (biết được tiếng đàn). Sau khi Tử Kỳ chết, Bá Nha đập bỏ đàn vì cho rằng không có ai hiểu được tiếng đàn của mình. Có thuyết nói là Bá Nha treo đàn không gảy nữa.

Câu 1(0,5 điểm): Bài thơ trên viết theo thể thơ nào ?

Câu 2 (0,5 điểm): Bài thơ trên viết về đề tài gì?

Câu 3(1,0 điểm): Phân tích tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua,*

Câu 4 (1,0 điểm): Qua đoạn trích em có nhận xét gì về phẩm chất con người nhà thơ ?

Câu 5(1,0 điểm): Bài thơ *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến) giúp em có thêm nhận thức gì về tình bạn, tình người trong cuộc sống?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nội dung bài thơ Khóc Dương Khuê được thể hiện ở phần I. Đọc hiểu.

Câu 2. (4.0 điểm): Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Trình bày suy nghĩ của em về cách giải quyết vấn đề khi bị bạn bè xa lánh, cô lập

ĐỀ 2

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm): Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

TỰ TÌNH KHÚC

(Trích)

- **Cao Bá Nhạ** -

"Than ôi! Thân lữ bước đường trần,
Mưa danh chuộc tiếng hỏi ai?
Ví như cây giữa rừng xanh,
Không ai biết đến, chỉ dành cho chim.
Bụi trần bám mặt, lệ tuôn rơi,
Nhớ cha mẹ, thương vợ con,
Ngậm đắng nuốt cay, dạ nát tan,
Mong sao được chết cho thanh thản.
Ôn vua như biển như trời,
Ăn náu bao kiếp, chẳng hề dám quên.
Xin dâng tấm lòng son sắt này,
Nguyện xin được chết vì nước non.
Ôi! Chết vinh hơn sống nhục nhã,
Thà làm cỏ dại ven đường,
Chứ không làm quan tham nhũng,
Bỏ mặc dân chúng lâm than.
Xin vua xét cho nỗi oan này,
Trả lại thanh danh cho con người,
Cho con được chết một cái chết nhẹ nhàng,
Để linh hồn được siêu thoát về cõi thanh thiên."

Chú thích:

Tự tình khúc là tác phẩm nổi tiếng nhất của Cao Bá Nhạ, được sáng tác bằng chữ Nôm theo thể song thất lục bát, gồm 680 câu thơ. Tác phẩm được viết khi ông đang bị giam cầm trong nhà lao chờ ngày chịu án tử hình sau vụ án Lệ Chi Viên.

"Tự tình khúc" được chia thành 4 phần chính:

Phần 1 (1 - 160 câu): Thể hiện tâm trạng đau khổ, phần uất của tác giả trước cảnh ngộ éo le của bản thân và gia đình.

Phần 2 (161 - 320 câu): Ca ngợi tài năng và khí phách của chú ruột Cao Bá Quát.

Phần 3 (321 - 520 câu): Bày tỏ lòng trung thành với triều đình và mong muốn được minh oan.

Phần 4 (521 - 680 câu): Thể hiện niềm khao khát tự do và ước mong được sống một cuộc đời bình dị.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5 điểm): Đoạn trích được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0,5 điểm): Cách ngắt nhịp trong đoạn trích như thế nào?

Câu 3 (1,0 điểm): Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu thơ sau:

*“Than ôi! Thân lơ bước đường trần,
Mua danh chuộc tiếng hỏi ai?
Ví như cây giữa rừng xanh,
Không ai biết đến, chỉ dành cho chim”.*

Câu 4 (1,0 điểm): Qua đoạn trích em có nhận xét gì phẩm chất con người Cao Bá Nha ?

Câu 5 (1,0 điểm): Qua đoạn trích, em có thể rút ra được thông điệp gì về cuộc sống?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nội dung đoạn trích TỰ TÌNH KHÚC trong phần I. Đọc hiểu.

Câu 2. (4.0 điểm): Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Trình bày suy nghĩ của em về cách giải quyết vấn đề khi bị bạn bè xa lánh, cô lập."

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

ĐỀ 1

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Thơ song thất lục bát	0,5
	2	- Đề tài: tình bằng hữu/ tình bạn bè.	0,5
	3	Tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau: <i>Rượu ngon không có bạn hiền, Không mua không phải không tiền không mua,</i> Điệp ngữ: “không có, không mua, không phải” (điệp từ “không” 5 lần). Mất bạn trở nên cô đơn: rượu không muốn uống, thơ không muốn làm, đàn không gảy, nhấn mạnh cảm giác nức nở, sự trống vắng đến nghẹn ngào, chua xót.	1,0
	4	Phẩm chất con người nhà thơ: - Bài thơ Khóc Dương Khuê khắc họa tình bạn giữa Nguyễn Khuyến và Dương Khuê, đó là một tình bạn đẹp đẽ, gắn bó giữa hai con người đồng điệu về tâm hồn, chí hướng. - Qua những kỉ niệm chung được tái hiện, ta cảm nhận được sự gắn bó keo sơn, chia sẻ vui buồn, đồng cam cộng khổ của hai người bạn, nỗi đau đớn, xót xa, mất mát vô cùng của Nguyễn	1,0

		Khuyến trước sự ra đi của Dương Khuê. Từ đó có thể thấy nhà thơ là người trọng tình, trọng nghĩa, đối xử tốt với bạn bè.	
	5	- Bài thơ Khóc Dương Khuê khắc họa tình bạn giữa Nguyễn Khuyến và Dương Khuê, đó là một tình bạn đẹp đẽ, gắn bó giữa hai con người đồng điệu về tâm hồn, chí hướng. Qua những kỉ niệm chung được tái hiện, ta cảm nhận được sự gắn bó keo sơn, chia sẻ vui buồn, đồng cam cộng khổ của hai người bạn. - Qua bài thơ, người đọc có thể rút ra những nhận thức về tình bạn, tình người trong cuộc sống: + Tình bạn bè bằng hữu, tình người là tình cảm đáng quý mà chúng ta có trong cuộc sống. Đó là điểm tựa tinh thần giúp mỗi chúng ta có thêm niềm vui, niềm tin trong cuộc sống. + Mỗi người hãy biết quý trọng tình bạn, sống ân nghĩa ân tình với nhau cả khi còn sống lẫn khi đã khuất. Cần giữ gìn và vun đắp những tình bạn mà chúng ta đang có trong hiện tại.	1,0
II		VIẾT	
	1		2,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: phân tích nội dung bài thơ Khóc Dương Khuê</i>	0,25
		<i>c. HS có nhiều cách triển khai khác nhau tuy nhiên cần đảm bảo nội dung cơ bản sau:</i> * Sơ lược về Dương Khuê: - Dương Khuê (1839-1902), tự Giới Nhu, hiệu Vân Trì, là người văn hay chữ tốt, cùng đỗ Cử Nhân cùng khóa với Nguyễn Khuyến, đỗ Tiến sĩ năm 1868 rồi ra làm quan, tuy nhiên cuộc đời làm quan của ông có nhiều thăng trầm bất định - Các tác phẩm của ông gồm có cả thơ chữ Hán, nhưng ca trù lại mang lại cho ông sự nổi tiếng hơn cả ví như có bài Gặp lại cô đầu cũ * Hai câu đầu - Sự hoang mang, bàng hoàng của Nguyễn Khuyến về sự ra đi đột ngột của Dương Khuê bạn mình. - Nhịp thơ, giọng điệu ở hai câu đầu nhẹ nhàng, âm thầm như dần trải, mang đến cảm giác trầm buồn, càng diễn tả sâu sắc nỗi đau mất bạn của Nguyễn Khuyến. * 14 câu thơ tiếp "Nhớ từ...than trời": - Dòng hồi tưởng của Nguyễn Khuyến về những năm tháng hai người còn trẻ khỏe, chí lớn vơ vẩn, cùng đỗ khoa cử, cùng tham gia chốn quan trường	1,0

	- Những năm tháng cùng vui vầy với những thú vui thanh cao, tao nhã như du sơn ngoạn thủy, thơ từ, ca hát - Không chỉ cùng nhau hưởng cảnh thái bình mà họ còn là những người bạn cùng nhau chung cảnh hoạn nạn chốn quan trường, cùng nhau trải qua những thăng trầm của thế sự. * 6 câu thơ tiếp "Bác già...chưa can": - Hồi tưởng những kỷ niệm khi tuổi đã cao sức đã yếu, không còn có thể vui vầy những thú ăn chơi ngày xưa, thế nhưng tình tri kỷ của hai người vẫn thắm thiết không đổi. - Chỉ cần thấy bạn mình vẫn khỏe mạnh cũng đã là niềm hạnh phúc vô bờ bến. Tình cảm tri âm ấy tăng dần theo năm tháng, sự xa cách càng làm cho nó trở nên bền vững và sâu sắc hơn cả. * 4 câu thơ tiếp "Kể tuổi...rụng rời": - Nỗi bàng hoàng, xót xa, hụt hẫng của Nguyễn Khuyến khi nghe tin bạn mất. * 8 câu thơ tiếp "Ai chẳng biết...tiếng đàn": - Bạn hiền đã mất, còn lại mình Nguyễn Khuyến với nỗi cô đơn, trống vắng thì thiết tha gì những thú vui từng một thời say đắm, rượu ngon cũng trở nên vô vị, thú vui làm thơ cũng dần chán nản, bởi còn đâu người hợp ý để vui vầy, sẻ chia nữa. - Dùng điển tích điển cố để tăng thêm sự sâu nặng, thắm thiết của tình tri kỷ. * 4 câu thơ cuối: - Tác giả quay trở về thực tại đau đớn, xót xa. Nhưng dầu Dương Khuê có chết đi, thì tình cảm giữa hai người vẫn trường tồn mãi mãi, là thứ trân quý nhất trong cuộc đời mà Nguyễn Khuyến hằng trân trọng. - Nỗi đau đớn ấy đã không thể chảy thành hàng lệ dài, mà Nguyễn Khuyến giấu nó vào trong góc sâu nhất của trái tim, để tưởng nhớ mãi về một người bạn hiền tri âm tri kỷ	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</i>	0,25
	<i>e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, giàu hình ảnh, cảm xúc; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.</i>	0,25
2	Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội có MB, TB, KB</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: cách giải quyết vấn đề khi bị bạn bè xa lánh, cô lập</i>	0,25
	<i>c. Triển khai hợp lý nội dung bài văn.</i> Có thể viết bài văn theo định hướng sau: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài:	0,5
	- Luận điểm 1: Giải thích vấn đề	0,25

	Xa lánh, cô lập là hành vi cố tình tách một cá nhân ra khỏi tập thể, khiến họ cảm thấy bị bỏ rơi, không được chấp nhận. Trong môi trường học đường, điều này thể hiện qua việc không ai nói chuyện, chơi cùng, thậm chí còn bị chế giễu, bắt nạt. - Luận điểm 2: Thực trạng: Theo một khảo sát của UNICEF năm 2022, cứ 3 học sinh Việt Nam thì có 1 em từng là nạn nhân của bạo lực học đường, trong đó có cả hình thức xa lánh, cô lập. Tình trạng này diễn ra ở mọi cấp học, từ tiểu học đến trung học phổ thông, và có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. - Luận điểm 3: Nguyên nhân: Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng xa lánh, cô lập trong trường học. Một số nguyên nhân phổ biến bao gồm: + Sự khác biệt về ngoại hình, tính cách, sở thích + Ghen tị, đố kỵ + Mâu thuẫn, hiểu lầm + Áp lực từ nhóm bạn + Sự thiếu quan tâm, giáo dục từ phía gia đình và nhà trường - Luận điểm 4: Hậu quả: Bị xa lánh, cô lập có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho học sinh, cả về mặt tâm lý lẫn thể chất: + Cảm thấy cô đơn, buồn bã, lo lắng, bất an + Tự tin, thu mình + Giảm sút kết quả học tập + Rối loạn tâm lý, trầm cảm + Thậm chí có thể dẫn đến hành vi tự tử + Xa lánh, cô lập không chỉ ảnh hưởng đến nạn nhân mà còn làm xấu đi môi trường học đường. Nó tạo ra sự chia rẽ, mất đoàn kết trong lớp học, khiến các em không thể phát triển toàn diện. Giải quyết vấn đề này là trách nhiệm của cả gia đình, nhà trường và toàn xã hội. - Nêu ý kiến trái chiều: Một số người cho rằng xa lánh, cô lập chỉ là chuyện trẻ con, không đáng quan tâm. Tuy nhiên, quan điểm này hoàn toàn sai lầm. Bị xa lánh, cô lập có thể để lại những vết thương lòng sâu sắc, ảnh hưởng lâu dài đến cuộc sống của các em. - Giải pháp 1. Bình tĩnh nhìn nhận vấn đề, tìm hiểu nguyên nhân: + Tự vấn bản thân xem có điều gì ở mình khiến các bạn không hài lòng. + Quan sát các bạn, tìm hiểu xem họ có những mối quan tâm chung nào mà mình không có. + Nhờ người bạn thân thiết hoặc người lớn mình tin tưởng để tìm hiểu nguyên nhân. + Việc bình tĩnh nhìn nhận vấn đề giúp học sinh hiểu rõ nguyên nhân, từ đó đưa ra cách giải quyết phù hợp.	0,25 0,5 0,5 0,5 1,0
--	---	---

	Bằng chứng: Theo nghiên cứu của Đại học Pennsylvania, những học sinh có khả năng tự nhận thức tốt thường có mối quan hệ bạn bè tích cực hơn. 2. Chủ động hòa nhập, thay đổi bản thân: + Tìm cách tham gia vào các hoạt động chung của lớp, của trường. + Chủ động bắt chuyện, làm quen với các bạn. + Sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ bạn bè. + Cải thiện những điểm chưa tốt của bản thân. + Sự chủ động hòa nhập giúp học sinh mở rộng mối quan hệ, tạo cơ hội để bạn bè hiểu và chấp nhận mình hơn. Bằng chứng: Theo một nghiên cứu của Đại học California, Los Angeles, những học sinh tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa thường có ít nguy cơ bị cô lập hơn. 3. Tìm kiếm sự giúp đỡ: + Tâm sự với cha mẹ, thầy cô, bạn bè thân thiết về những khó khăn mình đang gặp phải. Nhờ cha mẹ, thầy cô can thiệp, trao đổi với các bạn trong lớp. Công cụ hỗ trợ: Các buổi tư vấn tâm lý học đường. + Bằng chứng: Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, những học sinh có sự hỗ trợ từ gia đình và nhà trường thường có khả năng phục hồi tốt hơn sau khi bị cô lập. 4. Xây dựng lòng tự trọng, tự tin: Tập trung vào những điểm mạnh của bản thân. Tham gia các hoạt động mình yêu thích, giới thiệu để khẳng định bản thân. Không so sánh mình với người khác. Luôn tự nhủ rằng mình là người có giá trị. + Bằng chứng: Theo một nghiên cứu của Đại học Stanford, những học sinh có lòng tự trọng cao thường có mối quan hệ bạn bè tốt hơn và ít bị cô lập hơn. * Kết bài: Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng...	0,5
	<i>d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</i>	0,25
	<i>e. Trình bày; chính tả, dùng từ, đặt câu: chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.</i>	0,25

ĐỀ 2

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Thơ song thất lục bát	0,5
	2	Thường ngắt nhịp 3/4 hoặc 2/2/3.	0,5
	3	Đoạn trích sử dụng biện pháp tu từ: Ẩn dụ: "Cây giữa rừng xanh" So sánh: Ví như cây giữa rừng xanh Các biện pháp tu từ này giúp tăng sức gợi cảm cho ngôn ngữ thơ, khơi gợi cảm xúc cho người đọc và làm nổi bật nội dung tác phẩm và cảm xúc sâu sắc của tác giả (thể hiện nỗi đau khổ, phần uất của Cao Bá Nhạ trước cảnh ngộ éo le của bản thân. Ông tự trách bản thân đã "lỡ bước đường trần", "mua danh chuộc tiếng hời ai". Hình ảnh "cây giữa rừng xanh", "không ai biết đến, chỉ dành cho chim" là ẩn dụ cho số phận bi đát của Cao Bá Nhạ).	1,0
	4	Phẩm chất con người Cao Bá Nhạ: - Lòng trung thành với triều đình - Hình ảnh "ơn vua như biển như trời" thể hiện sự biết ơn sâu sắc của Cao Bá Nhạ đối với vua - Là người có lòng tự trọng "chết vinh hơn sống nhục nhã: - Tấm lòng son sắt, khát vọng tự do và mong muốn được minh oan. Ông khao khát được thoát khỏi cảnh ngộ tù tội, được sống một cuộc đời tự do và thanh thản	1,0
	5	Qua đoạn trích "Tự tình khúc", em có thể rút ra được một số thông điệp về cuộc sống: - Sống cần phải có lòng trung thành và ngay thẳng: Cao Bá Nhạ dù lâm vào cảnh ngộ bi đát nhưng vẫn giữ lòng trung thành với triều đình, mong muốn được minh oan. Điều này cho thấy, con người cần phải sống có lòng trung thành, ngay thẳng, không vì lợi ích cá nhân mà đánh mất bản chất. - Sống cần phải có ý chí nghị lực: Dù đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách, Cao Bá Nhạ vẫn giữ được ý chí nghị lực, khát vọng được sống tự do. Điều này cho thấy, con người cần phải có ý chí nghị lực để vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. - Sống cần phải biết yêu thương và trân trọng những gì mình đang có: Cao Bá Nhạ khi lâm vào cảnh ngộ tù tội càng nhớ cha mẹ, vợ con hơn. Điều này cho thấy, con người cần phải biết yêu thương và trân trọng những gì mình đang có,	1,0
II		VIẾT	
	1		2,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: phân tích nội dung bài thơ</i>	0,25

	<i>Khóc Dương Khuê</i>	
	c. HS có nhiều cách triển khai khác nhau tuy nhiên cần đảm bảo nội dung cơ bản sau: - "Tự tình khúc" là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của Cao Bá Nhạ, được sáng tác khi ông đang bị giam cầm trong nhà lao chờ ngày chịu án tử hình sau vụ án Lệ Chi Viên. Tác phẩm thể hiện tâm trạng đau khổ, phẫn uất của tác giả trước cảnh ngộ éo le của bản thân và gia đình; đồng thời ca ngợi tài năng và khí phách của chú ruột Cao Bá Quát; bày tỏ lòng trung thành với triều đình và mong muốn được minh oan; thể hiện niềm khao khát tự do và ước mong được sống một cuộc đời bình dị. Đoạn trích sau đây là một phần quan trọng trong tác phẩm, thể hiện rõ nét những nội dung và ý nghĩa sâu sắc của "Tự tình khúc" - Nỗi đau khổ, phẫn uất của Cao Bá Nhạ: + Hai câu thơ đầu tiên thể hiện nỗi đau khổ, phẫn uất của Cao Bá Nhạ trước cảnh ngộ éo le của bản thân. Ông tự trách bản thân đã "lỡ bước đường trần", "mua danh chuộc tiếng hời ai". Hình ảnh "cây giữa rừng xanh", "không ai biết đến, chỉ dành cho chim" là ẩn dụ cho số phận bi đát của Cao Bá Nhạ. + Hai câu thơ tiếp theo thể hiện nỗi đau đớn, tuyệt vọng của Cao Bá Nhạ. Hình ảnh "bụi trần bám mặt, lệ tuôn rơi" cho thấy sự khổ cực, nhục nhã của ông trong cảnh tù tội. Nỗi nhớ cha mẹ, thương vợ con càng khiến ông thêm đau đớn. + Hai câu thơ tiếp theo thể hiện tâm trạng đau đớn, tuyệt vọng của Cao Bá Nhạ. Hình ảnh "bụi trần bám mặt, lệ tuôn rơi" cho thấy sự khổ cực, nhục nhã của ông trong cảnh tù tội. Nỗi nhớ cha mẹ, thương vợ con càng khiến ông thêm đau đớn. - Lòng trung thành với triều đình và mong muốn được minh oan: + Hai câu thơ tiếp theo thể hiện lòng biết ơn đối với vua và khẳng định tấm lòng son sắt của mình. Hình ảnh "on vua như biển như trời" thể hiện sự biết ơn sâu sắc của Cao Bá Nhạ đối với vua. + Ba câu thơ tiếp theo thể hiện mong muốn được chết vì nước non và mong muốn được minh oan. Hình ảnh "chết vinh hơn sống nhục nhã", "cỏ dại ven đường", "quan tham nhũng" thể hiện khát vọng tự do và mong muốn được minh oan của Cao Bá Nhạ. + Bốn câu thơ cuối cùng thể hiện tha thiết mong vua xét cho nỗi oan, trả lại thanh danh và cho ông được chết một cái chết nhẹ nhàng. - Bằng thể thơ song thất lục bát, ngắt nhịp linh hoạt, uyển chuyển, tạo nên sự du dương, mượt mà cho thơ. Ngôn ngữ	1,0 0,5

		Giản dị, dễ hiểu, gần gũi với đời sống thường ngày. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, nhân hóa,... để tăng sức gợi cảm cho bài thơ. Ngôn ngữ: Trau chuốt, giàu hình ảnh, thể hiện nội dung sâu sắc và tinh tế. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, điệp ngữ, nhấn mạnh, đối lập,... Giọng điệu: Bi thương, phần uất nhưng cũng xen lẫn lòng trung thành và khát vọng tự do. Hình ảnh thơ: Đậm chất bi tráng, thể hiện số phận bi đát của tác giả. Đoạn trích đã thể hiện thành công nội tâm phức tạp của Cao Bá Nhạ trước cảnh ngộ éo le của bản thân. Tác phẩm thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc, khơi gợi lòng cảm thông và chia sẻ với nỗi đau của con người. - Đoạn trích "Tự tình khúc" của Cao Bá Nhạ là một tiếng nói tố cáo xã hội phong kiến bất công, đồng thời thể hiện lòng trung thành, khát vọng tự do và phẩm chất cao đẹp của tác giả. Tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật sâu sắc, xứng đáng là một viên ngọc quý trong kho tàng văn học Việt Nam.	
	2	Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận xã hội có MB, TB, KB</i>	<i>0,25</i>
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: cách giải quyết vấn đề khi bị bạn bè xa lánh, cô lập</i>	<i>0,25</i>
		<i>c. Triển khai hợp lý nội dung bài văn.</i> Có thể viết bài văn theo định hướng sau: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài: - Luận điểm 1: Giải thích vấn đề Xa lánh, cô lập là hành vi cố tình tách một cá nhân ra khỏi tập thể, khiến họ cảm thấy bị bỏ rơi, không được chấp nhận. Trong môi trường học đường, điều này thể hiện qua việc không ai nói chuyện, chơi cùng, thậm chí còn bị chế giễu, bắt nạt. - Luận điểm 2: Thực trạng: Theo một khảo sát của UNICEF năm 2022, cứ 3 học sinh Việt Nam thì có 1 em từng là nạn nhân của bạo lực học đường, trong đó có cả hình thức xa lánh, cô lập. Tình trạng này diễn ra ở mọi cấp học, từ tiểu học đến trung học phổ thông, và có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. - Luận điểm 3: Nguyên nhân: Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng xa lánh, cô lập trong trường học. Một số nguyên nhân phổ biến bao gồm: + Sự khác biệt về ngoại hình, tính cách, sở thích + Ghen tị, đố kỵ + Mâu thuẫn, hiểu lầm + Áp lực từ nhóm bạn + Sự thiếu quan tâm, giáo dục từ phía gia đình và nhà trường - Luận điểm 4: Hậu quả:	0,5 0,25 0,25 0,5 0,5

	Bị xa lánh, cô lập có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho học sinh, cả về mặt tâm lý lẫn thể chất: + Cảm thấy cô đơn, buồn bã, lo lắng, bất an + Tự tin, thu mình + Giảm sút kết quả học tập + Rối loạn tâm lý, trầm cảm + Thậm chí có thể dẫn đến hành vi tự tử + Xa lánh, cô lập không chỉ ảnh hưởng đến nạn nhân mà còn làm xấu đi môi trường học đường. Nó tạo ra sự chia rẽ, mất đoàn kết trong lớp học, khiến các em không thể phát triển toàn diện. Giải quyết vấn đề này là trách nhiệm của cả gia đình, nhà trường và toàn xã hội. - Nêu ý kiến trái chiều: Một số người cho rằng xa lánh, cô lập chỉ là chuyện trẻ con, không đáng quan tâm. Tuy nhiên, quan điểm này hoàn toàn sai lầm. Bị xa lánh, cô lập có thể để lại những vết thương lòng sâu sắc, ảnh hưởng lâu dài đến cuộc sống của các em. - Giải pháp 1. Bình tĩnh nhìn nhận vấn đề, tìm hiểu nguyên nhân: + Tự vấn bản thân xem có điều gì ở mình khiến các bạn không hài lòng. + Quan sát các bạn, tìm hiểu xem họ có những mối quan tâm chung nào mà mình không có. + Nhờ người bạn thân thiết hoặc người lớn mình tin tưởng để tìm hiểu nguyên nhân. + Việc bình tĩnh nhìn nhận vấn đề giúp học sinh hiểu rõ nguyên nhân, từ đó đưa ra cách giải quyết phù hợp. Bằng chứng: Theo nghiên cứu của Đại học Pennsylvania, những học sinh có khả năng tự nhận thức tốt thường có mối quan hệ bạn bè tích cực hơn. 2. Chủ động hòa nhập, thay đổi bản thân: + Tìm cách tham gia vào các hoạt động chung của lớp, của trường. + Chủ động bắt chuyện, làm quen với các bạn. + Sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ bạn bè. + Cải thiện những điểm chưa tốt của bản thân. + Sự chủ động hòa nhập giúp học sinh mở rộng mối quan hệ, tạo cơ hội để bạn bè hiểu và chấp nhận mình hơn. Bằng chứng: Theo một nghiên cứu của Đại học California, Los Angeles, những học sinh tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa thường có ít nguy cơ bị cô lập hơn. 3. Tìm kiếm sự giúp đỡ: + Tâm sự với cha mẹ, thầy cô, bạn bè thân thiết về những khó khăn mình đang gặp phải. Nhờ cha mẹ, thầy cô can thiệp, trao đổi với các bạn trong lớp. Công cụ hỗ trợ: Các buổi tư vấn tâm lý học đường.	0,5 1,0
--	---	-----------------------

	+ Bằng chứng: Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, những học sinh có sự hỗ trợ từ gia đình và nhà trường thường có khả năng phục hồi tốt hơn sau khi bị cô lập. 4. Xây dựng lòng tự trọng, tự tin: Tập trung vào những điểm mạnh của bản thân. Tham gia các hoạt động mình yêu thích, giới giang để khẳng định bản thân. Không so sánh mình với người khác. Luôn tự nhủ rằng mình là người có giá trị. + Bằng chứng: Theo một nghiên cứu của Đại học Stanford, những học sinh có lòng tự trọng cao thường có mối quan hệ bạn bè tốt hơn và ít bị cô lập hơn. * Kết bài: Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng...	0,5
	<i>d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</i>	0,25
	<i>e. Trình bày; chính tả, dùng từ, đặt câu: chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.</i>	0,25

BGH duyệt

TTCM duyệt

Giáo viên ra đề

Nguyễn Thị Hoàn

Lưu Thị Hồng Bích

